

Số: /TTr-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026; và thực hiện kế hoạch được giao tại Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010 và đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi) sau khi đã tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL và xin kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở thực tiễn

Luật Khoáng sản năm 2010 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Luật Khoáng sản). Luật Khoáng sản có 11 chương với 86 điều, trong đó có 48 điều bổ sung mới hoàn toàn và 38 điều giữ lại của Luật Khoáng sản năm 1996 và sửa đổi, điều chỉnh năm 2005. Sau khi Luật Khoáng sản năm 2010 được thông qua, công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khẩn trương thực hiện. Đến nay, Quốc hội đã ban hành 01 Luật sửa đổi bổ sung một

số điều của Luật Khoáng sản liên quan đến quy hoạch, 01 Nghị quyết liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản¹; Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 12 cũng đã ban hành 01 Nghị quyết về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường²; Sau 10 năm, các Bộ, ngành liên quan đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hơn 60 Thông tư, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 12 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành địa phương trình cấp có thẩm quyền ban hành các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để triển khai thi hành Luật Khoáng sản. Nhìn chung, sau 10 năm, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản đã được ban hành khá đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản; đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phát triển theo hướng bền vững; khoáng sản được quản lý, bảo vệ ngày càng chặt chẽ; được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả hơn đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế trước mắt cũng như lâu dài và một phần xuất khẩu.

Luật Khoáng sản được ban hành và có hiệu lực là dấu mốc quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, là cơ sở pháp lý quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản; đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phát triển theo hướng bền vững; nhằm quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả khoáng sản, đáp ứng nhu cầu khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế trước mắt cũng như lâu dài.

Sau hơn 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và đánh giá khoáng sản đạt nhiều kết quả đáng kể, đã hoàn thành 14 đề án lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền với tổng diện tích là 42.550 km², nâng tổng diện tích đã lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản lên 242.445 km², đạt 73,19 % diện tích đất liền. Kết quả đã phát hiện, điều tra sơ bộ hàng trăm điểm khoáng sản các loại, khoanh định nhiều khu vực có tiềm năng, triển vọng để chuyển sang giai đoạn đánh giá xác định tài nguyên. Bước đầu đã phát hiện các cấu trúc thuận lợi, những tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản như quặng đất hiếm trong vỏ phong hóa ở vùng Tây Bắc, Trung Bộ; khoáng sản kim loại ẩn sâu vùng Tây Bắc; xác định các dấu hiệu của hoạt động kiến tạo, đứt gãy, trượt lở nhằm cảnh báo thiên tai. Đã hoàn thành điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 đến 1:500.000 trên diện tích hơn

¹ Luật Khoáng sản năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch; Nghị quyết kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XIV ban hành Nghị quyết số 101/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Kỳ họp, trong đó tại khoản 6 Điều 1 quyết nghị “*Không thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 từ ngày 01/7/2010 đến ngày 31/12/2013...*”.

² Nghị quyết số 535/NQ-UBTVQH13 ngày 12/10/2012 về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường.

244.000 km² vùng biển độ sâu 0-100m nước. Đã hoàn thành 01 đề án trên diện tích 22.500 km² (60-100m nước) trong “Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên - môi trường biển đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020”; đối với công tác điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản ở độ sâu đến 500m đối với một số loại khoáng sản quan trọng, chiến lược như chì, kẽm, đồng, thiếc, vàng, sắt, đất hiếm, urani và một số khoáng sản ẩn sâu đã hoàn thành 24 đề án đánh giá khoáng sản từ ngân sách nhà nước. Đã hoàn thành 22/56 đề án (đạt 39,2%) theo Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong giai đoạn này, kết quả công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đánh giá khoáng sản đã phát hiện thêm nhiều vùng, điểm mỏ có triển vọng, trong đó một số loại khoáng sản quan trọng, chiến lược như: titan, bauxit, đất hiếm, quặng uranit, cát trắng... một số khoáng sản (chủ yếu) có quy mô lớn như: than nâu đồng bằng sông Hồng, quặng urani ở Quảng Nam, quặng bô xít ở Tây Nguyên, quặng titan sa khoáng ven biển từ Ninh Thuận đến Bắc Bà Rịa - Vũng Tàu... đã được đánh giá, góp phần tăng dự trữ khoáng sản quốc gia, phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác cho ngành công nghiệp khai khoáng đồng thời phục vụ nhiều ngành kinh tế khác.

Công nghiệp khai khoáng đóng góp đáng kể cho các ngành kinh tế quan trọng như: dầu khí, than, xi măng, sắt - thép, hóa chất, alumin... cơ bản đã đáp ứng nhu cầu nguyên liệu khoáng trong nước và một phần xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại trong khai thác, chế biến khoáng sản, nhất là đối với lĩnh vực khai thác, chế biến than, vonfram – đa kim, xi măng... góp phần cho ngành công nghiệp khai thác phát triển từ “bề rộng” chuyển sang “chiều sâu”, giảm tiêu hao điện, năng lượng, giảm tổn thất tài nguyên khoáng sản, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Trong bối cảnh tình hình đất nước đã có nhiều chuyển biến lớn về kinh tế - xã hội, đặc biệt, các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý và hoạt động của ngành địa chất, khoáng sản, công nghiệp khai khoáng đã từng bước được cụ thể hóa, trong đó nội dung cơ bản là bảo đảm thực hiện nguồn thu ngân sách nhà nước từ khoáng sản. Nhiều chế định pháp lý của Luật Khoáng sản không còn phù hợp với thực tế; một số quan hệ mới trong hoạt động khoáng sản phát sinh trong thực tiễn cần phải được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. Trong khi một số Luật mới được ban hành như Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch..., một số Luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế như Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Đầu tư... thì Luật Khoáng sản vẫn chưa được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và đồng bộ thống nhất giữa các Luật. Do đó Luật Khoáng sản 2010 có những nội dung bất cập, không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

Một là, năm 2010 Quốc hội đã ban hành Luật Khoáng sản trên tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm

nhìn đến năm 2030. Điều 53 Hiến pháp 2013 quy định: “*Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*”. Sự phát triển, bổ sung “tài nguyên khoáng sản”, “tài nguyên thiên nhiên” trong Hiến pháp 2013 đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật Khoáng sản 2010 theo hướng đảm bảo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản trong thực tế, tăng cường tính thống nhất và đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

Hai là, sau hơn 10 năm thi hành Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã đạt được nhiều thành tựu nhất định, góp phần quan trọng trong việc định hướng cho quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Địa chất là một ngành khoa học kỹ thuật tổng hợp, là ngành khoa học về trái đất, khi thực hiện công tác điều tra địa chất về khoáng sản phải tiến hành điều tra, đánh giá toàn diện cấu trúc địa chất, điều kiện địa chất trong diện tích điều tra. Tuy nhiên, thời gian qua nhận thức về vai trò, vị trí của ngành Địa chất trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước còn chưa đầy đủ, chưa tương xứng với những đóng góp to lớn của ngành Địa chất. Pháp luật về khoáng sản chưa có cơ chế quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất để đảm bảo tài nguyên địa chất, khoáng sản được quản lý tập trung, thống nhất. Điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chưa đảm bảo tính toàn diện để đánh giá đầy đủ tài nguyên địa chất, khoáng sản và điều kiện địa chất khác đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội quốc gia.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật Khoáng sản nội hàm của công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được làm rõ để hướng tới mục tiêu đánh giá được tiềm năng khoáng sản, công tác địa chất phải thực hiện những nghiên cứu, đánh giá chuyên sâu về cấu trúc, thành phần vật chất, lịch sử phát sinh, phát triển của vỏ Trái đất. Đây là những dữ liệu cơ bản không chỉ phục vụ cho công tác đánh giá, thăm dò khoáng sản mà còn phục vụ trực tiếp cho việc quản lý tài nguyên địa chất khác như: di sản và công viên địa chất, các cấu trúc địa chất cho xây dựng các công trình ngầm quốc gia, cấu trúc chứa nhiệt, cấu trúc cho tàng trữ tài nguyên nước, cho lưu giữ CO₂, chôn lấp chất thải độc hại, các dữ liệu về tai biến địa chất, nông hóa thổ nhưỡng, ô nhiễm môi trường, địa kỹ thuật ... là căn cứ khoa học định hướng cho nhiều quy hoạch liên quan đến các ngành Xây dựng, Công Thương, Giao thông, Nông nghiệp, Du lịch, v.v. để phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội của đất nước. Tuy nhiên, nội dung công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Khoáng sản mới chỉ quy định cho công tác điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản, các công việc về điều tra địa chất tai biến, địa chất môi trường hoặc các chuyên đề về lĩnh vực địa chất chỉ là một dạng công việc đi cùng với công

tác lập bản đồ và điều tra khoáng sản khu vực. Ngoài khoáng sản, Luật cũng chưa quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài nguyên địa chất khác, đặc biệt là các dữ liệu về địa chất thủy văn, địa chất công trình, tai biến địa chất .v.v. dẫn đến công tác điều tra địa chất về khoáng sản chủ yếu chỉ chú trọng đến đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn, chưa chú trọng đến công tác quản lý nhà nước thống nhất về địa chất, tài nguyên địa chất, địa chất môi trường, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa chất đô thị, tai biến địa chất, khoáng sản nhiên liệu phi truyền thống (khí đá phiến, băng cháy ...).

Ba là, sau hơn 10 năm thi hành Luật Khoáng sản, ý thức của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được nâng cao thông qua việc áp dụng kỹ thuật, công nghệ cao để thu hồi tối đa khoáng sản, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường. Tuy nhiên, nội tại các quy định của Luật Khoáng sản hiện hành đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập trong thực thi, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin về khoáng sản, khai thác khoáng sản, giảm hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản. Cụ thể:

- Nguồn thu ngân sách nhà nước từ khoáng sản còn nhiều khoản thu (tiền cấp quyền, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền thuê đất, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường...) chưa được quy định đầy đủ; một số thiệt hại liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa được lượng hóa dẫn đến việc còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Theo quy định của Luật Khoáng sản thì đối với một số mỏ đã cấp phép từ những năm trước khi có Pháp lệnh về Tài nguyên khoáng sản năm 1989 đến nay vẫn còn hiệu lực, tuy nhiên các thông số ghi trên giấy phép khai thác (đăng ký mỏ) không rõ ràng dẫn đến việc chấp hành của nhiều tổ chức, cá nhân còn nhiều bất cập.

- Trình tự, thủ tục liên quan đến việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành còn rườm rà, tốn nhiều thời gian của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân đang sở hữu giấy phép.

- Trình tự, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cấp phép khai thác khoáng sản, thành phần hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản còn phức tạp, nhiều mất nhiều thời gian để thực hiện, trong khi đó chưa có quy định riêng biệt về trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản đối với từng nhóm, loại khoáng sản, tổ chức, cá nhân được cấp phép cho phù hợp.

- Việc phân cấp, phân quyền trong việc thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản chưa được đẩy mạnh.

- Chưa quy định cụ thể về thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia, việc thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian dự trữ.

- Quy định về trách nhiệm hoàn trả phí sử dụng thông tin về khoáng sản của tổ chức, cá nhân trong các văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ ràng, cụ thể; tiền hoàn trả đối với các giấy phép đã cấp trước Luật khoáng sản 2010 chưa

bảo đảm tính răn đe đối với tổ chức, cá nhân thi hành, chưa công bằng giữa các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép trong những năm gần đây, biện pháp xử lý đối với các tổ chức cá nhân đã hết hạn giấy phép nhưng vẫn thuộc đối tượng phải thực hiện truy thu. Do đó, việc xem xét trách nhiệm hoàn trả trong thời gian qua chưa có sự thống nhất, chưa tương xứng với mức độ của tổ chức, cá nhân và số tiền Nhà nước thu được. Bên cạnh đó, Luật chưa có quy định về việc xem xét xử lý đối với tổ chức, cá nhân có hành vi gây thiệt hại.

- Luật chưa quy định về một khoản kinh phí riêng (trong mục lục ngân sách nhà nước) cho thực hiện công tác điều tra địa chất về tài nguyên khoáng sản. Bên cạnh đó, quy định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định cấp kinh phí còn rườm rà, thiếu tính khả thi.

- Nội dung quản lý nhà nước, thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước, cơ chế phối hợp, cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo hoạt động khoáng sản,... chưa được quy định rõ ràng giao cho nhiều cơ quan có trách nhiệm thực hiện nên đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thu cho ngân sách từ khoáng sản.

- Một số quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 không còn phù hợp với thực tế, cũng như sự thay đổi của hệ thống pháp luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản như: đầu tư, kinh doanh, môi trường, quy hoạch,...; các hệ mới trong hoạt động khoáng sản phát sinh trong thực tiễn cần phải được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

Từ thực tiễn quản lý, thực trạng thi hành pháp luật và tình hình hiện nay, việc sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản năm 2010 là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo tính toàn diện, đầy đủ các quy định về quản lý nhà nước về địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản và điều kiện địa chất khác, tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước về địa chất và khoáng.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại Điều 53 Hiến pháp năm 2013 quy định: Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; đồng thời Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên,... phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu định hướng phát triển kinh tế, xã hội “Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia”. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có quản lý, sử dụng

tài nguyên khoáng sản: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, *quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên*; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...”.

Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ quan điểm: “*Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước. Tài nguyên phải được đánh giá đầy đủ các giá trị, định giá, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh tài nguyên. Chú trọng phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, tái chế*”. Nghị quyết này cũng đã đặt ra giải pháp cần đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hoá nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã nêu rõ nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, trong đó thực hiện nhiệm vụ cụ thể “*hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp nhà nước; Hoàn thiện pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Nhà nước giao quyền khai thác tài nguyên cho các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.*”

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 nêu rõ định hướng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia “*Đẩy mạnh Điều tra cơ bản địa chất, tìm kiếm, thăm dò, đánh giá trữ lượng tài nguyên trên đất liền và thềm lục địa của đất nước. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế-xã hội bền vững...*”.

Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, nêu rõ quan điểm: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà

nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển; Đẩy mạnh kinh tế hóa nguồn vật lực, trong đó tập trung vào *nguồn lực tài nguyên thiên nhiên*; tất cả các nguồn lực được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững. Đồng thời Nghị quyết cũng đưa ra các giải pháp như: Hoàn thiện hệ thống luật pháp thúc đẩy xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phù hợp với chuẩn mực quốc tế; Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể hoá quan điểm kinh tế hoá tài nguyên khoáng sản; Điều tra, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên khoáng sản; áp dụng phương pháp tiên tiến trong quản trị tài nguyên khoáng sản. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường, tiến tới đấu thầu quyền khai thác mỏ, hoạt động khai thác và một số hoạt động phụ trợ khai thác mỏ. Xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên không phép, trái phép.

Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo kết luận số 56-KL/TW ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị nêu các giải pháp, nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, trong đó cần tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hoàn thiện cơ chế để thực hiện minh bạch hóa trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, đặc biệt đối với tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ “khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia (đất, nước, khoáng sản) theo nguyên tắc thị trường...”. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026 nêu giải pháp đẩy mạnh rà soát, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp ngành đó chủ động, tích cực sửa đổi, hoàn thiện, nghiên cứu khẩn trương sửa đổi, thay thế cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề tồn đọng gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật. Theo đó, Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Khoáng sản trình Quốc hội ban hành vào năm 2023.

Gần đây nhất, ngày 10 tháng 02 năm 2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công

nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó đã đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong đó có giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng bao gồm 6 nhiệm vụ: (1) Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng. Tổng kết, đánh giá đầy đủ việc thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nội dung về công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; trong đó lưu ý: Quy định cụ thể nội dung điều tra cơ bản địa chất tài nguyên địa chất (tài nguyên khoáng sản; tài nguyên vị thế, di sản địa chất, công viên địa chất); các điều kiện địa chất khác (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa mạo...). Ưu tiên công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản gắn với yêu cầu đánh giá tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng ở một số vùng biển trọng điểm; Điều tra cơ bản địa chất chủ yếu do Nhà nước thực hiện, xã hội hóa nguồn vốn thực hiện một số đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; kết quả điều tra cơ bản địa chất, thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (là cơ sở dữ liệu quốc gia) phải được thẩm định, nộp vào lưu trữ địa chất để quản lý tập trung, thống nhất; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế để phát huy nguồn lực tài chính tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất; Rà soát, quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác khoáng sản; việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội... cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản. (2) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn; hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách. Ưu tiên cấp phép khai thác khoáng sản là vật liệu xây dựng thông thường cho xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, nhất là công trình trọng điểm quốc gia. (3) Điều chỉnh thuế suất thuế tài nguyên đối với một số khoáng sản nhằm khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ khoáng sản có điều kiện địa chất - mỏ phức tạp, hàm lượng thấp, hạ tầng kỹ thuật thấp kém. (4) Hoàn thiện chính sách xuất - nhập khẩu và dự trữ khoáng sản, bảo đảm cân đối nhu cầu trước mắt với dự trữ khoáng sản lâu dài; xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản; khuyến khích huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá khoáng sản. (5) Hoàn thiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, nhất là những khoáng sản quan trọng; khuyến khích hợp tác, đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong chế biến

khoáng sản.(6) Hoàn thiện chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia có trình độ cao và công nhân lành nghề lĩnh vực địa chất, khoáng sản. Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành địa chất, khoáng sản. Do đó, cần thiết phải thể chế hoá đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, định hướng hoàn thiện chính sách, pháp luật về khoáng sản của Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Trên cơ sở thực tiễn quản lý và cơ sở chính trị nêu trên, cần thiết phải thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước để hoàn thiện quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản, phát huy những kết quả tích cực đạt được, khắc phục những tồn tại, cần thiết phải rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản năm 2010 để ban hành Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, phục vụ kịp thời cho phát triển kinh tế xã hội.

3. Đề xuất đổi tên gọi của dự án Luật thành “Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản”

Theo nhiệm vụ do Chính phủ giao tại các Nghị quyết: số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Khoáng sản sửa đổi. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn quản lý nhà nước, thực trạng thi hành pháp luật về khoáng sản và chủ trương, chính sách của Đảng, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất, xin ý kiến về việc điều chỉnh tên dự án Luật từ “Luật Khoáng sản (sửa đổi)” (hay Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản) thành “Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản” nhằm thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 10-NQ/TW cũng như để đảm bảo tính toàn diện, đầy đủ của quy định về quản lý nhà nước về địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản và điều kiện địa chất khác, tăng cường hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, cụ thể như sau:

- Theo quan điểm trước đây, Luật Khoáng sản chỉ quy định phạm vi điều chỉnh về công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Do đó, trong giai đoạn này công tác điều tra cơ bản chủ yếu nhằm mục tiêu để tìm kiếm khoáng sản, định hướng cho công tác lập chiến lược, quy hoạch khoáng sản, trên cơ sở đó để cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản nhằm huy động nguồn lực tài nguyên khoáng sản để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Trong khi đó, địa chất là một ngành khoa học kỹ thuật tổng hợp, là khoa học về trái đất, khi điều tra địa chất về khoáng sản phải tiến hành điều tra, đánh giá toàn diện cấu trúc địa chất, điều kiện địa chất. Kết quả của công tác điều tra địa chất được ứng dụng trong nhiều ngành kinh tế như:

+ Điều tra địa chất đô thị, địa chất thủy văn - công trình phục vụ các ngành: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kết quả nghiên cứu điều tra địa chất đô thị, địa chất thủy văn - công trình để phục vụ quy hoạch sử dụng đất theo điều kiện địa chất; điều tra, đánh giá đặc điểm karst ngầm phục vụ quản lý, quy hoạch phát triển dân cư vùng Đông Bắc; nghiên cứu các hệ thống đứt gãy, về địa chất công trình - thủy văn được sử dụng trước khi quyết định xây dựng hồ đập thủy điện, thủy lợi, đường cao tốc;

+ Điều tra tai biến địa chất phục vụ phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu cho các ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khí tượng thủy văn,... Ngành địa chất đã điều tra tai biến địa chất phục vụ dự báo và đề xuất các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu hậu quả; đánh giá các điều kiện địa chất, kiến tạo và các yếu tố liên quan đến tai biến địa chất môi trường dọc một số đoạn trên tuyến đường Hồ Chí Minh; phục vụ công tác dự báo tai biến...;

+ Điều tra di sản địa chất phục vụ du lịch. Ngành địa chất đã nghiên cứu, điều tra các di sản địa chất như kiến tạo, cổ sinh, địa tầng, địa mạo, hang động ... như: cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang), Cao Bằng, Đăk Nông, Lý Sơn, Tam Giang - Bạch Mã, Phú Yên, Ba Vì ... đã xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận 03 công viên địa chất toàn cầu: Cao nguyên đá Đồng Văn, non nước Cao Bằng, Đăk Nông nhằm bảo tồn giá trị di sản địa chất, đồng thời phát triển du lịch địa phương;

+ Nghiên cứu về cấu trúc địa chất; lập bản đồ trường trọng lực, từ trọng lực phục vụ mục tiêu an ninh - quốc phòng. Kết quả nghiên cứu sâu về cấu trúc địa chất; lập bản đồ trường trọng lực, từ trọng lực phục vụ an ninh - quốc phòng liên quan đến cấu trúc địa chất được ứng dụng khi quyết định bố trí các công trình phòng thủ như: cảng quân sự, vị trí neo đậu, trú ẩn của tàu ngầm, kho quân sự, ... Đến nay, đã hoàn thành việc lập bản đồ trường trọng lực 1:500.000 trên đất liền, đã bay đo lập bản đồ từ trọng lực tỷ lệ 1:250.000 thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên diện tích 270.000 km² (đạt 40% tổng diện tích) phục vụ quốc phòng - an ninh,...

Nhiều hoạt động của các ngành kinh tế khác có tác dụng lớn vào lòng đất, có thể thu thập được nhiều thông tin, dữ liệu địa chất rất có giá trị nhưng không được điều tra thu thập, lưu giữ dữ liệu theo quy định thống nhất, cụ thể như: các công trình xây dựng thủy điện, các đường hầm khi xây dựng đường giao thông, xây dựng cảng biển v.v.; các lỗ khoan khảo sát nền móng công trình, các lỗ khoan khai thác nước dưới đất v.v., các hoạt động khai thác khoáng sản. Thông tin, dữ liệu địa chất lưu giữ phân tán tại nhiều cơ quan khác nhau; các tài liệu quan đến tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất lưu giữ tại các Viện nghiên cứu thuộc nhiều Bộ, ngành, địa phương. Các thông tin, dữ liệu địa chất này hầu như không được tôn hợp để tái sử dụng làm giảm hiệu quả sử dụng của thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng hiệu quả dữ liệu đã có cho việc xây dựng, thực hiện các dự án điều tra cơ bản địa chất, lãng phí

nguồn lực đầu tư, đặc biệt thiếu thông tin, dữ liệu địa chất đối với các khu vực nhạy cảm về địa chất.

Có thể nói, cơ sở dữ liệu, thông tin trong điều tra cơ bản địa chất là không thể thiếu để quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế khác. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của ngành Địa chất còn hạn chế nên những đóng góp nêu trên của Ngành trong suốt thời gian qua chưa được ghi nhận và đánh giá tương xứng, đầy đủ.

- Luật Khoáng sản hiện nay còn thiếu những quy định về nội hàm của công tác điều tra địa chất chung (các tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất khác); chưa có quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thực hiện công tác khảo sát, điều tra địa chất theo quy định của pháp luật về xây dựng trong việc nộp lưu trữ thông tin địa chất để quản lý tập trung, tổng hợp, kết nối các thông tin, dữ liệu nhằm tạo ra một cơ sở dữ liệu thống nhất; thiếu quy định về việc cung cấp dữ liệu, việc sử dụng thông tin dữ liệu địa chất, về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thông tin thăm dò khoáng sản mới chỉ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi được cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản (hoàn trả chi phí điều tra, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư), các tổ chức cá nhân khác khi sử dụng thông tin về địa chất chỉ nộp phí (khoản rất nhỏ: sao chép, bảo quản tài liệu). Ngành địa chất hiện nay đang sở hữu kho dữ liệu địa chất khổng lồ (bao gồm hơn 3000 báo cáo được tích lũy, tổng hợp xuyên suốt từ năm 1954 đến nay), có giá trị lớn (về nguồn tiền do Nhà nước đã đầu tư thực hiện và về giá trị của các thông tin, là trí tuệ của các nhà địa chất qua các thế hệ) nhưng khi các tổ chức, cá nhân sử dụng để phục vụ các hoạt động kinh tế xã hội thì chỉ phải nộp phí theo quy định.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo Bộ Chính trị và đã được Bộ Chính trị thống nhất về mặt chủ trương sắp tới sẽ xây dựng “Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản”. Tại Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ rõ định hướng về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng:

- *“Thế chế hoá đầy đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng. Tổng kết, đánh giá đầy đủ việc thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nội dung về công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; trong đó lưu ý:*

+ *Quy định cụ thể nội dung điều tra cơ bản tài nguyên địa chất (tài nguyên khoáng sản; tài nguyên vị thế, di sản địa chất, công viên địa chất); các điều kiện địa chất khác (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa mạo,...). Ưu tiên công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản gắn với yêu cầu đánh giá tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng ở một số vùng biển trọng điểm.*

+ *Điều tra cơ bản địa chất chủ yếu do Nhà nước thực hiện, xã hội hoá*

nguồn vốn thực hiện một số đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; kết quả điều tra cơ bản địa chất, thông tin, dữ liệu địa chất khoáng sản (là cơ sở dữ liệu quốc gia) phải được thẩm định, nộp vào lưu trữ địa chất để quản lý tập trung, thống nhất; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế để phát huy nguồn lực tài chính tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất.

+ Rà soát, quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác khoáng sản; việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội,... cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản.”

Do vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất đổi tên gọi của dự án Luật thành “Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản” cho phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế - xã hội đất nước.

- Tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm minh bạch, đồng bộ để có khả năng vốn hóa nguồn lực tài nguyên địa chất, khoáng sản, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả; khắc phục các chông chéo, xung đột pháp luật nhằm quản lý thống nhất quản lý địa chất, khoáng sản; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của Luật Khoáng sản năm 2010 sau 10 năm thực hiện; rà soát các quy định của các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Khoáng sản, nhất là các Nghị định về quản lý cát, sỏi lòng sông; quản lý khoáng sản ở khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; đấu giá quyền khai thác khoáng sản; về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... có tính chất ổn định khi thực hiện để bổ sung vào quy định của Luật Khoáng sản (sửa đổi) trong thời gian tới.

- Bảo đảm tương thích với pháp luật có liên quan và thông lệ quốc tế, tạo hành lang pháp lý đồng bộ về địa chất và khoáng sản, thúc đẩy sự phát triển bền vững.

2. Quan điểm

- Thực hiện đầy đủ các quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị đối với tài nguyên địa chất, khoáng sản. Trong đó, tài nguyên khoáng sản là “tài sản công” thuộc sở hữu toàn dân và do Nhà nước thống nhất

quản lý; việc khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản phải theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài.

- Các quy định của Luật Khoáng sản phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với các pháp luật chuyên ngành liên quan; rõ ràng, dễ hiểu và mang tính khả thi cao, thúc đẩy đầu tư, xã hội hóa đi đôi với tăng cường bảo vệ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, gắn với yêu cầu cải cách các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, hiệu quả.

- Kế thừa các quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 đang phát huy hiệu quả; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp với thực tiễn và các yêu cầu trong quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, khoáng sản trong tình hình mới.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản quy định về điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; thăm dò, khai thác khoáng sản; quản lý thông tin dữ liệu địa chất; quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trên lãnh thổ Việt Nam. Khoáng sản là dầu khí; khoáng sản là nước thiên nhiên không phải là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật là cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, tài nguyên khoáng sản; tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành hoạt động điều tra địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên lãnh thổ Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Chính sách 1: Chính sách về tài nguyên địa chất, khoáng sản; điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản

1.1. Mục tiêu của chính sách

Bổ sung quy định rõ ràng, đầy đủ về quản lý tài nguyên địa chất, khoáng sản; quản lý thông tin, dữ liệu địa chất; nội dung công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, tài nguyên khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng của thông tin, dữ liệu địa chất; nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ

bản địa chất đảm bảo tính ổn định, đầy đủ, kịp thời để thực hiện các dự án điều tra địa chất đạt được mục tiêu, đúng tiến độ được phê duyệt.

1.2. Nội dung của chính sách

Bổ sung các quy định về quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, điều tra cơ bản địa chất, các điều kiện địa chất; quản lý thông tin, dữ liệu địa chất; nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản. Theo đó: (1) Giữ nguyên các quy định về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Bổ sung quy định về nội hàm của tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất, điều tra cơ bản địa chất, các khu vực nhạy cảm địa chất; (2) Chính sửa quy định về Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thành Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; (3) Bổ sung các quy định về quản lý các khu vực nhạy cảm về địa chất; (4) Bổ sung khái niệm quản lý dữ liệu địa chất; (5) Bổ sung quy định nội dung quản lý nhà nước tập trung, thống nhất về thông tin, dữ liệu địa chất; (6) Bổ sung quy định về sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất của các tổ chức, cá nhân; (7) Bổ sung quy định về nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản.

Bổ sung các quy định về quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, điều tra cơ bản địa chất, các điều kiện địa chất; quản lý thông tin, dữ liệu địa chất; nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, theo đó: (1) Giữ nguyên các quy định hiện hành về điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. (2) Bổ sung quy định về nội hàm của tài nguyên địa chất, các điều kiện địa chất; điều tra cơ bản địa chất, các khu vực nhạy cảm địa chất; (3) Bổ sung các quy định về quản lý các khu vực nhạy cảm về địa chất; (4) Hoàn thiện quy định về quản lý thông tin, dữ liệu địa chất; (5) Bổ sung quy định về nội dung quản lý nhà nước tập trung, thống nhất về địa chất, trong đó có thông tin, dữ liệu địa chất; (6) Bổ sung quy định về sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất của các tổ chức, cá nhân; (7) Bổ sung quy định về nguồn vốn đầu tư cho điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; (8) Bổ sung các quy định về quản lý nhà nước đối với điều tra địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Sau hơn 10 năm thi hành Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã đạt được một số thành tựu nhất định. Trong đó, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã phát hiện nhiều vùng, điểm mỏ có quy mô lớn, giá trị kinh tế cao, trong đó một số loại khoáng sản quan trọng, chiến lược như: titan, bauxit, đất hiếm, than, quặng urani, đồng, vàng v.v. làm gia tăng tiềm lực quốc gia, đồng thời phục vụ nhiều ngành kinh tế khác. Công tác lập bản đồ địa chất đã thực hiện được một số chuyên đề chuyên sâu, trong đó có những chuyên đề về cấu trúc kiến tạo, địa hóa vỏ phong hóa, tai biến địa chất, di sản địa chất, đã cung cấp những dữ liệu cơ bản cho quy hoạch của nhiều địa phương,

nhiều ngành kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, xây dựng chính sách chủ yếu tập trung vào điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản, còn thiếu những quy định trong Luật về quản lý các tài nguyên địa chất ngoài khoáng sản và các điều kiện địa chất (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất công trình,...). Công tác quản lý các hoạt động điều tra cơ bản địa chất mới chú ý đến quản lý sự nghiệp các nhiệm vụ lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản khu vực, đánh giá khoáng sản. Các nội dung điều tra về tai biến địa chất, địa chất đô thị, địa chất công trình, di sản địa chất v.v. hầu như chưa có sự quản lý nhà nước thống nhất. Trong thực tế ngoài công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được thực hiện đồng bộ, thống nhất theo quy định của Luật Khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất cũng đã được thực hiện dưới nhiều hình thức và quy định khác nhau trong một số ngành, lĩnh vực. Trong đó, công tác điều tra tai biến địa chất, di sản địa chất, địa chất đô thị, địa chất môi trường, địa hóa đất được thực hiện dưới dạng các dự án, đề tài khoa học được nhiều Viện nghiên cứu, Trường đại học, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo nhiều quy định kỹ thuật không đảm bảo sự thống nhất, chưa có quy định quản lý nhà nước thống nhất. Công tác điều tra địa chất công trình chủ yếu được tiến hành theo quy định pháp luật về khảo sát xây dựng. Theo đó công tác khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn được thực hiện để phục vụ công tác thiết kế xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng là thành phần của hồ sơ hoàn thành công trình và được chủ đầu tư lưu trữ theo quy định.

Cùng với việc quản lý tài nguyên địa chất, thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất, công tác quản lý thông tin, dữ liệu địa chất cũng chưa được quản lý tập trung, thống nhất. Luật Khoáng sản năm 2010 chỉ quy định giao nộp, lưu trữ các báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; cung cấp và sử dụng thông tin về khoáng sản. Trong khi đó còn rất nhiều các dữ liệu thông tin có giá trị chưa được quản lý thống nhất. Nhiều hoạt động có tác dụng lớn vào lòng đất, có thể thu thập được nhiều thông tin, dữ liệu địa chất rất có giá trị nhưng không được điều tra thu thập, lưu giữ dữ liệu theo quy định thống nhất, cụ thể như: các công trình xây dựng thủy điện, các đường hầm khi xây dựng đường giao thông, xây dựng cảng biển v.v.; các lỗ khoan khảo sát nền móng công trình, các lỗ khoan khai thác nước dưới đất v.v., các hoạt động khai thác khoáng sản. Thông tin, dữ liệu địa chất lưu giữ phân tán tại nhiều cơ quan khác nhau, theo chức năng nhiệm vụ. Các thông tin, dữ liệu địa chất này hầu như không được tổng hợp để tái sử dụng làm giảm hiệu quả sử dụng của thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng hiệu quả dữ liệu đã có cho việc xây dựng, thực hiện các dự án điều tra cơ bản địa chất, lãng phí nguồn lực đầu tư, đặc biệt thiếu thông tin, dữ liệu địa chất đối với các khu vực nhạy cảm về địa chất.

Trong thực tế, công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản không trực tiếp tạo ra của cải vật chất, mà chủ yếu tạo ra các sản phẩm dưới dạng tri thức, đó là những thông tin, dữ liệu địa chất có giá trị thu

được. Đây là tiền đề quan trọng cung cấp thông tin, dữ liệu tin cậy đảm bảo tính khả thi cho việc lập các quy hoạch ngành; thiết kế các đề án, dự án điều tra cơ bản địa chất, khảo sát xây dựng ở tỉ lệ lớn, chi tiết hơn một cách hiệu quả, khả thi, giảm những hạng mục công việc trùng lặp do sử dụng dữ liệu đã có, giảm chi phí đầu tư. Ngược lại các thông tin, dữ liệu địa chất hiện có cần được cập nhật, bổ sung, hiệu chỉnh thường xuyên từ chính những đề án, dự án đang thực hiện để có được cơ sở thông tin, dữ liệu địa chất ngày càng hoàn thiện, chính xác, tin cậy hơn. Như vậy, cần phải có quy định để đảm bảo thông tin, dữ liệu địa chất được thẩm định, thu thập, chuẩn hóa, thống nhất quản lý.

Về kinh phí cho điều tra địa chất cơ bản địa chất, khoáng sản. Trong những năm qua, thực hiện quy định của Luật Khoáng sản, công tác điều tra địa chất về khoáng sản đã được đề cập tại Điều 21 Luật Khoáng sản. Tuy nhiên do các quy định chưa đồng bộ, thống nhất nên kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chủ yếu từ nguồn chi sự nghiệp thường xuyên của ngân sách nhà nước. Chính sách “Xã hội hóa hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản” là một chính sách quan trọng được đề cập nhằm tháo gỡ vấn đề nguồn kinh phí đầu tư thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Tuy nhiên do cơ chế, chính sách đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư góp vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản chưa rõ ràng, nên nguồn vốn góp từ các tổ chức, cá nhân còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

Trước những tồn tại nêu trên, tại Nghị quyết số 10-NQ/TW, Bộ Chính trị đã có quan điểm điều chỉ đạo “Tài nguyên địa chất, khoáng sản vừa là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa là nguồn dự trữ lâu dài của quốc gia cần phải được quy hoạch, điều tra, đầy đủ; được quản lý tập trung, thống nhất”; “Quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu địa chất quốc gia về địa chất, khoáng sản phục vụ đa mục tiêu”; “Nhà nước ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách và các nguồn thu được từ sử dụng thông tin về tài nguyên địa chất, cấp quyền khai thác khoáng sản” và “khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra địa chất”. Như vậy ngoài tài nguyên khoáng sản đã có những quy định chi tiết trong Luật Khoáng sản, cần phải bổ sung các quy định về quản lý tài nguyên địa chất, công tác điều tra cơ bản địa chất, các điều kiện địa chất; quản lý nhà nước về thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản quốc gia đảm bảo tính tập trung, thống nhất nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất tiếp tục thực hiện quy định liên quan đến điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được quy định trong Luật Khoáng sản năm 2010; bổ sung thêm các quy định về quản lý tài nguyên địa chất, công tác điều tra cơ bản địa chất, các điều kiện địa chất; quản lý nhà nước về thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản quốc gia đảm bảo tính tập trung, thống

nhất nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững đất nước. Chính phủ có trách nhiệm cấp kinh phí cho điều tra địa chất phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Nguồn kinh phí có thể từ nguồn chi sự nghiệp thường xuyên, nguồn chi đầu tư phát triển, nguồn trích lại từ nguồn thu cấp quyền khai thác khoáng sản, hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư và nguồn thu từ phí sử dụng thông tin dữ liệu địa chất. Nguồn kinh phí hàng năm cho lĩnh vực địa chất phải bảo đảm chi phí công tác điều tra địa chất theo Chiến lược, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, bao gồm chi thường xuyên cho đội ngũ thực hiện, chi phí thực hiện các dự án điều tra địa chất và chi phí cho công nghệ, thiết bị điều tra địa chất phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định để khuyến khích khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

2. Chính sách 2: Hoàn thiện chính sách về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản; chiến lược, quy hoạch địa chất, khoáng sản

2.1. Mục tiêu của chính sách:

- Đối với bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác:

+ Luật hóa quy định về quản lý tài nguyên địa chất, quản lý, kiểm soát hệ thống điều tra địa chất, hiệu quả dữ liệu địa chất nhằm bảo đảm an ninh đảm bảo nguồn nguyên liệu, an ninh năng lượng, phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ sức khỏe con người, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm phát triển ngành địa chất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản theo mục tiêu sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên; phát triển ngành công nghiệp khai khoáng theo quan điểm về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và giảm thiểu tối đa phát thải khí nhà kính.

- Đối với công tác xây dựng chiến lược khoáng sản:

Định hình rõ quan điểm, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp pháp để thực hiện chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Đối với công tác quy hoạch khoáng sản:

Bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính để không gây chồng chéo trong thực hiện các nhiệm vụ về quy hoạch khoáng sản.

2.2. Nội dung của chính sách

- Làm rõ đối với một số loại tài nguyên địa chất: Nguyên nhân khách quan là chưa được đánh giá và nhìn nhận đúng vị thế so với tiềm năng của tài nguyên.
- Quy định cụ thể cho các địa phương lập kinh phí hàng năm cho công tác tuyên truyền phổ biến về pháp luật khoáng sản; bảo vệ môi trường, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;
- Quy định phân cấp thẩm quyền xử lý vi phạm cho chính quyền cấp huyện và cấp xã để tăng hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý và xử lý;
- Quy định về sự phối hợp giữa chính quyền các cấp, các ngành, các địa phương lân cận trong việc phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, không phép, khai thác không đúng giấy phép đã cấp.
- Đảm bảo mục tiêu chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường.
- Bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Đối với bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác:

- Bổ sung mới các quy định về bảo vệ tài nguyên địa chất, trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất.
- Sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác

Đối với công tác xây dựng chiến lược khoáng sản:

Bổ sung các quy định về chiến lược khoáng sản cho phù hợp với chủ trương mới của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các Luật có liên quan

Đối với công tác quy hoạch khoáng sản:

Bổ sung các quy định về quy hoạch khoáng sản cho phù hợp với chủ trương mới của Đảng theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các Luật có liên quan nhất là Luật Quy hoạch.

3. Chính sách 3: Hoàn thiện chính sách về khu vực khoáng sản

3.1. Mục tiêu của chính sách

- Tạo sự minh bạch trong cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản; tránh hiện tượng tập trung xin cấp phép thăm dò khai thác ở các mỏ có điều kiện hạ tầng tốt, mỏ có chất lượng cao...

- Tài nguyên khoáng sản quốc gia được thăm dò, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả, bền vững.

- Khuyến khích được các tổ chức, cá nhân đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; khuyến khích đầu tư thăm dò, khai thác mỏ phức tạp, lợi nhuận thấp. Hạn chế được tình trạng khai thác trái phép gây mất trật tự an ninh, ô nhiễm môi trường.

- Cơ sở hạ tầng được đầu tư khi mỏ hoạt động hiệu quả.

- Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoáng sản tổ chức, cá nhân: Xác định được chi phí hợp lý khi đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản; Giảm thiểu được rủi ro khi đầu tư thăm dò, khai thác.

- Đời sống nhân dân được cải thiện; địa phương nơi có mỏ có thể kết hợp đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội.

3.2. Nội dung của chính sách

Quy định cụ thể về thăm dò, khai thác khoáng sản phân loại ưu tiên theo các tiêu chí vùng - miền, tính chất phức tạp của vùng mỏ khoáng,... để khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, phù hợp với thực tế.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về hoạt động khoáng sản, bảo vệ, quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản, đồng thời đảm bảo điều kiện để thực hiện phát triển kinh tế, xã hội trên khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

4. Chính sách 4: Hoàn thiện chính sách trong quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản

4.1. Mục tiêu của chính sách

Sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Khoáng sản hiện hành đối với các nhóm quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản theo hướng:

- Đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến khoáng sản, bảo vệ môi trường theo mô hình kinh tế xanh, tuần hoàn.

- Hoàn thiện chính sách tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội,... đảm bảo quyền lợi cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản.

- Hoàn thiện chế định về cấp phép thăm dò, khai thác đối với các loại khoáng sản nói chung, trong đó có quy định riêng đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (VLXD TT), cát, sỏi lòng sông.

- Bổ sung nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản vật liệu san lấp, đắp nền công trình; khoáng sản làm VLXDĐT trong các trường hợp như sau gạt, cải tạo mặt bằng phục vụ sản xuất nông nghiệp mà quá trình này có dôi dư một khối lượng đất, đá có thể sử dụng làm vật liệu san lấp (bản chất là khoáng sản làm VLXDĐT) có thể sử dụng để phục vụ san lấp cho công trình khác; trường hợp khai thác đá chẻ, khai thác cát ở khu vực suối với quy mô nhỏ,... không cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng, giám sát thủ tục hành chính. Đồng thời bổ sung phân cấp đến Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản làm VLXDĐT nêu trên.

- Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền trong cấp phép hoạt động khoáng sản (đến cấp huyện), đặc biệt là đối với các loại khoáng sản vật liệu san lấp, đắp nền khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố; Giấy phép khai thác vật liệu san lấp, đắp nền công trình. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép khai thác vật liệu san lấp, đắp nền công trình dân sinh tại địa phương. Đồng thời, góp phần thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản đối với một số loại khoáng sản.

4.2. Nội dung của chính sách

- Khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ khoáng sản có điều kiện địa chất - mỏ phức tạp, hàm lượng thấp, hạ tầng kỹ thuật thấp kém nhằm thu hồi tối đa khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm, bảo vệ môi trường sinh thái theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Xây dựng chính sách tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội,... đảm bảo quyền lợi cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản.

- Hoàn thiện quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, giảm thời hạn cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXDĐT theo đối tượng, quy mô, trữ lượng,... được cấp phép. Sửa đổi, bổ sung quy định đối với các trường hợp khai thác khoáng sản làm VLXDĐT không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản.

- Luật hóa các quy định đã được triển khai có tính khả thi, đồng bộ, thống nhất về quản lý cát, sỏi lòng sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thăm dò, khai thác khoáng sản, thúc đẩy phát triển ngành thăm dò, khai thác khoáng sản, khuyến khích các

doanh nghiệp khai thác triệt để, tiết kiệm tài nguyên; Phát triển ngành công nghiệp khai khoáng hiện đại, tiên tiến, bền vững; đảm bảo quyền, lợi ích của địa phương, người dân nơi có khoáng sản được khai thác; thúc đẩy quá trình cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

5. Chính sách 5: Tài chính về địa chất, khoáng sản.

5.1. Mục tiêu của chính sách

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế để phát huy nguồn lực tài chính để tạo nguồn tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

- Xác định tài chính về địa chất đảm bảo tính khả thi của Luật, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước, sự cân đối hài hòa giữa lợi ích của tổ chức, cá nhân và lợi ích của Nhà nước

- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời, bảo đảm phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, tiến trình cải cách dịch vụ công và sự ổn định hoạt động của bộ máy nhà nước, hướng tới mục tiêu phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân, giảm thu ngân sách Nhà nước.

- Thống nhất quản lý, nâng cao chất lượng công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Phân định rõ phạm vi, trách nhiệm của các cấp, các ngành và tạo khung pháp lý cơ bản để các cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn, kiểm tra và thực thi đầy đủ các quy định pháp luật về việc chấp hành nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

- Phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính: giảm thiểu tối đa các nội dung cần hướng dẫn thực hiện sau khi ban hành Luật Khoáng sản (sửa đổi); trình tự thủ tục rút gọn, nhanh chóng tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong từng giai đoạn từ lập kế hoạch đấu giá, xây dựng hồ sơ mời đấu giá, lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá, tổ chức phiên đấu giá và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Hoàn thiện hơn nữa quy trình tổ chức “đấu giá quyền khai thác khoáng sản” chung trên toàn quốc, tuân thủ Luật Đấu giá tài sản, tuy nhiên, phải có đề xuất, phương án “đặc thù” cho tài sản là “quyền khai thác khoáng sản”.

5.2. Nội dung của chính sách

- Quy định mở rộng phạm vi tài chính về địa chất, bổ sung lĩnh vực cần sử dụng thông tin về địa chất phục vụ đa ngành, đa mục tiêu (như ngành Xây dựng, Giao thông, Công thương .v.v....) là những trường hợp tổ chức, cá nhân phải hoàn trả phí sử dụng thông tin.

- Quy định các nguyên tắc định tính để xác định trường hợp nào thuộc tài chính về địa chất.

- Quy định rõ trình tự thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan theo quy định của pháp luật liên quan, với hình thức phù hợp, tạo thuận lợi nhanh chóng hiệu quả, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực công nghệ, năng lực tài chính khi khai thác khoáng sản.

Quy định trình tự thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản chặt chẽ, đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản cũng như cơ quan có trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản; Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm trong việc thực hiện hủy kết quả đấu giá; cơ chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản chưa được quy định rõ ràng và chưa hiệu quả.

Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường của công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo hướng đơn giản, hợp lý và hiệu quả.

5.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bổ sung quy định thu tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phục vụ cho toàn bộ các đối tượng sử dụng thông tin không làm phát sinh chi phí, khắc phục được những tồn tại nêu trên, tăng thu cho ngân sách nhà nước, tăng cường nguồn lực để tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn lực của nhà nước.

Đảm bảo được sự ổn định lâu dài của quy phạm pháp luật, phương án này sẽ tránh được trường hợp có thể phải sửa đổi, bổ sung trong tương lai khi hệ thống pháp luật và tình hình kinh tế, chính trị, xã hội có sự thay đổi;

Sửa đổi trực tiếp từng điều, khoản chưa phù hợp trong Nghị định 67/2019/NĐ-CP đưa ngay vào trong Luật nên sẽ khắc phục trực tiếp các tồn tại trong quá trình 10 năm thực hiện Nghị định, ví dụ là việc khó khăn trong quá trình thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các Giấy phép đã chấm dứt hiệu lực trước năm 2014 hoặc đối với các doanh nghiệp đã giải thể...

Giải quyết được các bất cập trong các quy định của pháp luật về khoáng sản, nhằm ổn định trật tự sản xuất, kinh doanh trong xã hội; hạn chế các khiếu nại hoặc sự chống đối từ phía doanh nghiệp trong việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, từ đó ổn định đời sống của công nhân, người lao động trong các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản.

Tháo gỡ được các vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp không thể tiếp tục khai thác khoáng sản (*bao gồm cả nguyên nhân*

khách quan hay chủ quan) hoặc phải khai thác cầm chừng do thị trường...Do đó, tạo điều kiện để doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc khai thác, chế biến và kinh doanh các sản phẩm khoáng sản.

Sửa đổi, bổ sung quy định về thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sẽ hạn chế được tình trạng ngân sách nhà nước bị treo nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nhưng không thu được từ các doanh nghiệp cũng như chưa có phương án giải quyết nợ đọng.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Sau khi Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản được ban hành, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc tổ chức thực hiện như kinh phí xây dựng, hoàn thiện thể chế; về phổ biến, tuyên truyền Luật, đào tạo .. thuộc nguồn kinh phí chi thường xuyên. Do vậy, với điều kiện thực tế về tài chính, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực hiện nay sẽ đủ nguồn lực, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua, bảo đảm tính khả thi của chính sách, cụ thể như sau:

1. Dự kiến nguồn lực

Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ nguồn kinh phí từ các nguồn lực trong xã hội;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có);
- Ngoài ra, trong quá trình triển khai, các nguồn lực, hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế cũng sẽ được huy động.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật phù hợp với quy định của Luật Khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Luật.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Luật, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Luật.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật và các văn bản pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Thời gian dự kiến trình Quốc hội khoá XV thảo luận đối với hồ sơ dự án xây dựng Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản vào quý IV năm 2023 và dự kiến trình Quốc hội thông qua vào quý I năm 2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi), Bộ Tài nguyên và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình, gồm:

- (1) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Khoáng sản năm 2010;
- (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
- (3) Dự kiến Đề cương chi tiết Luật Khoáng sản (sửa đổi).
- (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và ý kiến của các cơ quan, tổ chức khác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Thứ trưởng Trần Quý Kiên;
- Lưu: VT, VP, PC, ĐCKS.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà